

Số: 440 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con, sau đây gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo



Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Văn Đình Khuê

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		715.984.468.655	674.324.250.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	157.626.036.758	188.495.115.029
1. Tiền	111		21.381.341.984	4.823.569.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		136.244.694.774	183.671.545.677
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		441.352.656.116	257.384.941.666
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	441.352.656.116	257.384.941.666
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.532.810.450	174.978.631.118
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	63.902.619.680	133.772.053.697
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.859.566.687	8.928.059.770
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		203.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	45.894.518.819	48.453.262.395
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.326.894.736)	(16.174.744.744)
IV. Hàng tồn kho	140		9.706.119.232	49.891.297.717
1. Hàng tồn kho	141	10	9.706.119.232	49.891.297.717
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.766.846.099	3.574.265.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		75.465.262	92.492.678
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.691.380.837	3.481.772.489
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		929.605.024.845	919.122.365.440
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.015.000.000	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.015.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		760.991.752.807	583.118.277.396
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	742.637.939.266	564.171.292.815
- Nguyên giá	222		2.492.515.988.728	2.178.807.123.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.749.878.049.462)	(1.614.635.831.103)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.353.813.541	18.946.984.581
- Nguyên giá	228		22.600.843.910	22.600.843.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.247.030.369)	(3.653.859.329)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.128.628.795	167.194.104.018
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.128.628.795	167.194.104.018
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		162.536.501.290	167.609.315.885
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	18.300.846.972	8.498.144.533
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	150.860.000.000	152.080.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(17.308.595.704)	(13.968.828.648)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	10.684.250.022	21.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.933.141.953	1.200.668.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.076.126.248	1.076.126.248
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.732.473.812	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.645.589.493.500	1.593.446.616.137

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		551.135.715.761	527.326.640.516
I. Nợ ngắn hạn	310		174.365.946.792	181.880.036.628
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	24.252.397.446	22.872.163.965
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.438.000	96.954.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	15.367.543.632	43.580.650.677
4. Phải trả người lao động	314		19.949.207.506	28.525.610.377
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.887.057.647	13.254.735.845
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	20.469.731.231	21.064.769.588
7. Vay ngắn hạn	320	20	74.278.140.072	44.348.186.150
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.143.431.258	8.136.965.164
II. Nợ dài hạn	330		376.769.768.969	345.446.603.888
1. Vay dài hạn	338	21	373.050.092.551	343.376.404.038
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		59.483.200	45.561.600
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.917.041.375	2.024.638.250
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.743.151.843	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.094.453.777.739	1.066.119.975.621
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.094.453.777.739	1.066.119.975.621
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(170.802.403)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		71.796.710.583	29.226.057.428
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		227.640.629.136	245.211.093.878
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.661.272.693	5.884.445.223
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		208.979.356.443	239.326.648.655
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	23	38.562.069.929	35.399.258.627
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.645.589.493.500	1.593.446.616.137

Bùi Thị Kim Na
 Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phú
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	564.978.298.513	687.318.588.435
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		564.978.298.513	687.318.588.435
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	269.893.489.548	299.977.693.858
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		295.084.808.965	387.340.894.577
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	27.104.489.054	24.268.097.945
6. Chi phí tài chính	22	29	33.123.669.678	49.648.707.922
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.612.956.707	35.679.879.274
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	21.746.694.573	47.979.215.136
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		267.318.933.768	313.981.069.464
9. Thu nhập khác	31		515.485.579	1.872.194.625
10. Chi phí khác	32		451.406.441	2.125.281.023
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		64.079.138	(253.086.398)
12. Lỗ trong công ty liên kết	45		(371.008.313)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		267.012.004.593	313.727.983.066
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	54.740.863.542	71.902.121.144
15. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		13.921.600	(366.956.260)
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		212.257.219.451	242.192.818.182
Phân bổ cho:				
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	61		3.277.863.008	2.866.169.527
- Cổ đông của công ty mẹ	62		208.979.356.443	239.326.648.655
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.985	3.273


Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

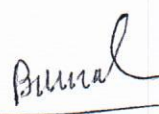
Báo cáo tài chính hợp nhất

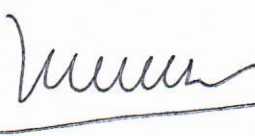
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**Mẫu B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	267.012.004.593	313.727.983.066
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	137.516.934.940	144.845.495.258
Các khoản dự phòng	03	(4.508.082.952)	30.061.887.728
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(26.736.895.662)	(24.550.129.351)
Chi phí lãi vay	06	29.612.956.707	35.679.879.274
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	08	402.896.917.626	499.765.115.975
trước thay đổi vốn lưu động			
Thay đổi các khoản phải thu	09	93.446.893.320	(98.453.258.190)
Thay đổi hàng tồn kho	10	40.185.178.485	(746.973.641)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(8.706.595.394)	(27.414.788.364)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(1.925.054.744)	106.338.230
Tiền lãi vay đã trả	13	(41.857.339.695)	(35.340.065.769)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(76.672.604.427)	(46.949.555.237)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.704.583.591)	(5.054.071.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	401.662.811.580	285.912.741.545
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(160.497.685.225)	(75.708.909.993)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.414.921	329.178.188
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(279.451.964.472)	(162.536.799.871)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	105.800.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.180.000.000)	(2.400.000.000)
6. Tiền thu lãi tiền gửi	27	24.689.675.990	19.059.160.457
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(317.636.558.786)	(221.257.371.219)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	380.293.160.657	371.795.271.330
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(320.689.518.222)	(320.419.628.098)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(174.498.973.500)	(140.408.958.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(114.895.331.065)	(89.033.314.868)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(30.869.078.271)	(24.377.944.542)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	188.495.115.029	212.873.059.571
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	157.626.036.758	188.495.115.029


Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu


Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.